

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11 - 28
7. Phụ lục	29 - 30



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Giang thành công ty Cổ phần theo quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 24 tháng 09 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang cho phép công ty chuyển đổi sang công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 07 năm 2015. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ nhất ngày 20 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ : 181.494.460.000 VNĐ (Một trăm tám mươi một tỷ bốn trăm chín mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 386, Đường Xương Giang, Phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại : 02403.855757

Fax : 02403.554717

Mã số thuế : 2400126106

3. Ngành nghề kinh doanh

- SXKD nước sạch, xây dựng.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

4.1 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hướng Xuân Công	Chủ tịch
Ông Trần Đăng Điều	Thành viên
Ông Phạm Hùng	Thành viên
Ông Lê Ngọc Duyên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Thúy	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thảo	Thành viên

4.3 Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hướng Xuân Công	Giám đốc
Ông Trần Đăng Điều	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hùng	Phó Giám đốc

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hướng Xuân Công – Chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 30.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**) được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Xác nhận của Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

28173
CÔNG TY
HIỂM HƯ
IN VÀ T
AN VI
3. HỒ

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TM. Hội đồng quản trị



HƯỚNG XUÂN CÔNG

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Bắc Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2017





Số: 2181/17/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC,
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây được gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2016, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Vào ngày 31/12/2016, công ty không tổ chức cho chúng tôi tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để có thể đưa ra ý kiến của chúng tôi về số lượng hàng tồn kho (với giá trị là 5.957.318.965 đồng) để xác định được ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề trên đến các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư 200/2014/TT- BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized name.

Đỗ Thị Hương – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 0967-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Ngọc Nga – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số 0351-2015-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2016

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		107.593.343.315	116.338.065.049
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		90.213.205.149	31.621.857.180
111	1. Tiền	V.1	2.370.896.579	2.314.895.600
112	2. Các khoản tương đương tiền	V.2	87.842.308.570	29.306.961.580
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		3.923.079.256	49.342.086.898
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.3	3.923.079.256	49.342.086.898
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.128.112.931	28.986.951.782
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.4	1.264.541.669	1.002.653.523
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.5	5.212.731.140	-
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	650.840.122	27.984.298.259
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		5.957.318.965	6.097.367.786
141	1. Hàng tồn kho	V.7	5.957.318.965	6.097.367.786
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		371.627.014	289.801.403
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	289.801.403
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		371.627.014	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		96.467.440.452	74.130.418.881
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		92.179.714.942	72.516.254.171
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	92.149.447.693	72.459.645.922
222	- Nguyên giá		211.601.212.293	173.718.899.425
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(119.451.764.600)	(101.259.253.503)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	30.267.249	56.608.249
228	- Nguyên giá		579.777.977	579.777.977
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(549.510.728)	(523.169.728)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.671.456.502	590.909.091
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	2.671.456.502	590.909.091
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.616.269.008	1.023.255.619
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	1.616.269.008	1.023.255.619
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		204.060.783.767	190.468.483.930

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: 386- Xương Giang-TP Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		19.835.474.506	7.616.023.875
310	I. Nợ ngắn hạn		15.620.969.260	7.616.023.875
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	926.312.000	-
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	1.027.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	601.631.668	559.201.557
314	4. Phải trả người lao động	V.14	6.589.284.000	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	4.190.896.800	6.262.026.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	1.881.034.609	635.153.474
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	1.431.810.183	158.615.844
330	II. Nợ dài hạn		4.214.505.246	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18	4.214.505.246	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		184.225.309.261	182.852.460.055
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.19	184.225.309.261	182.852.460.055
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		181.494.460.205	181.494.460.205
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		181.494.460.205	181.494.460.205
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		67.899.993	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.662.949.063	1.357.999.850
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước			
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		2.662.949.063	1.357.999.850
422	5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		204.060.783.767	190.468.483.930

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bắc Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Giám Đốc





NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

HƯƠNG XUÂN CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: 386- Xương Giang-TP Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	01/01/2016 - 31/12/2016	01/07/2015 - 31/12/2015
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	88.295.769.002	40.267.012.002
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	3.858.448	1.855.244
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		88.291.910.554	40.265.156.758
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	50.415.766.696	26.215.280.167
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.876.143.858	14.049.876.591
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	4.102.005.835	1.157.182.374
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	82.186.718	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	24.781.367.020	7.904.927.073
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	12.782.574.611	5.870.045.543
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.332.021.344	1.432.086.349
31	11. Thu nhập khác	VI.8	429.072.635	315.630.008
32	12. Chi phí khác	VI.9	4.662.236	6.690.909
40	13. Lợi nhuận khác		424.410.399	308.939.099
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.756.431.743	1.741.025.448
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		952.218.796	383.025.599
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.804.212.947	1.357.999.850
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	147	52
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	147	52

Bắc Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO



HƯƠNG XUÂN CÔNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	01/01/2016 - 31/12/2016	01/07/2015- 31/12/2015
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		95.581.521.436	40.265.156.758
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(36.774.319.113)	(9.970.738.603)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(30.715.727.990)	(17.660.519.830)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(930.102.447)	(400.000.000)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.515.565.764	308.939.099
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.360.635.920)	(15.933.777.709)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.316.301.730	(3.390.940.285)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(4.398.183.273)	(729.530.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		139.545.454	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(75.576.360.852)	(46.697.556.672)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		116.918.347.829	23.638.339.618
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.102.005.835	1.157.182.374
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		41.185.354.993	(22.631.564.680)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	24.295.400.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		4.214.505.246	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(124.814.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.089.691.246	24.295.400.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		58.591.347.969	(1.727.104.965)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		31.621.857.180	33.348.962.145
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)		90.213.205.149	31.621.857.180

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bắc Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Giám Đốc





NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

HƯƠNG XUÂN CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất kinh doanh nước sạch và xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch, nước tinh khiết.
- Xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình điện hạ thế từ 35KV trở xuống.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 29 tháng 08 năm 2016, đơn vị đã thanh lý hệ thống sản xuất nước đóng chai vì vậy doanh thu của đơn vị của hoạt động này đã không còn.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

BCTC năm nay được trình bày từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016 (12 tháng), còn kỳ trước là từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 (6 tháng), nên chỉ có tính chất tham khảo không mang tính chất so sánh.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 263 nhân viên đang làm việc. (Số đầu năm là 255 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Doanh nghiệp bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	03 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định khác	03 - 25 năm

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm/theo thời gian giao đất (10 năm), quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng và doanh thu lắp đặt đồng hồ nước

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm là khoản giảm trừ hàng bán.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của thành phẩm và các chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Doanh nghiệp và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Vietcombank. (Ngân hàng doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch). Tỷ giá 1USD = 22.720 VND.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Vietcombank (Ngân hàng doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch). Tỷ giá 1USD = 22.790 VND.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	496.182.186	483.070.314
1.2	Tiền gửi ngân hàng	1.874.714.393	1.831.825.286
Tổng cộng		2.370.896.579	2.314.895.600

1.2 Tiền gửi ngân hàng

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.2	Tiền Việt Nam	1.874.714.393	1.831.825.286
1.2.1	Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Bắc Giang	172.880.063	88.885.350
1.2.2	Ngân hàng NN & Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang	447.854.385	1.126.632.897
1.2.3	Ngân hàng TMCP Techcombank Bắc Giang	227.913.219	323.298.475
1.2.4	Ngân hàng TMCP Vietinbank Bắc Giang	92.061.619	293.008.564
1.2.5	Ngân hàng TMCP Vietcombank Bắc Giang	932.193.219	-
1.2.6	Ngân hàng Phát triển Việt Nam-CN Bắc Giang	1.811.888	-
Tổng cộng		1.874.714.393	1.831.825.286

2. Các khoản tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng, lãi suất quy định theo từng hợp đồng tiền gửi. Chi tiết như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
2.1	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Agribank	29.682.873.800	13.799.310.089
2.2	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Techcombank	31.590.466.632	2.625.170.963
2.3	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Vietinbank	17.521.828.764	-
2.4	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Vietcombank	9.047.139.374	12.882.480.528
Tổng cộng		87.842.308.570	29.306.961.580

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngân hàng, lãi suất quy định theo từng hợp đồng tiền gửi. Chi tiết như sau:

Mã số	Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
3.1	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Techcombank	3.923.079.256	23.678.621.887
3.2	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Agribank	-	17.087.053.900
3.3	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Vietinbank	-	8.576.411.111
Tổng cộng		3.923.079.256	49.342.086.898

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu khách hàng khác	1.264.541.669	1.002.653.523
Công ty TNHH Tannan	329.500.000	-
Trường THPT Lục Ngạn 2	202.247.000	202.247.000
Trường Tiểu học Cao Xá	164.791.000	164.791.000
Các đối tượng khác	568.003.669	635.615.523
Cộng	1.264.541.669	1.002.653.523

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho các đối tượng khác	5.212.731.140	-
Công ty Eptisa Servicios de Ingenieria, S.L (*)	2.318.244.140	-
Công ty CP Đầu Tư-Xây dựng-XNK TH Minh Ngọc (*)	1.800.000.000	-
Các đối tượng khác	1.094.487.000	-
Cộng	5.212.731.140	-

(*) Là khoản tạm ứng trước cho nhà thầu tư vấn để thực hiện dự án nhà máy nước số 2.

6. Phải thu ngắn hạn khác

Mã số	Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
6.1	Tạm ứng	521.300.000	714.264.520
6.2	Phải thu ngắn hạn khác	129.540.122	27.270.033.739
Tổng cộng		650.840.122	27.984.298.259

6.1 Tạm ứng

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho các bên liên quan	-	-
Tạm ứng cho các đối tượng khác	521.300.000	714.264.520
An Đình Thành	297.300.000	322.300.000
Vũ Trí Hải	100.000.000	-
Đối tượng khác	124.000.000	391.964.520
Cộng	521.300.000	714.264.520

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6.2 Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	-	-
Phải thu đối tượng khác	129.540.122	27.270.033.739
Ban Quản lý dự án cải tạo 35000 m ³	84.210.182	25.417.082.014
Ban QLDA xây dựng nhà máy nước số 02	-	1.839.868.310
Phải thu về thuế TNCN	45.329.940	13.083.415
Cộng	129.540.122	27.270.033.739

7. Hàng tồn kho

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
7.1	Nguyên liệu, vật liệu	5.957.318.965	-	5.859.430.206	-
7.2	Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
7.3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	237.937.580	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho		5.957.318.965	-	6.097.367.786	-

7.1 Nguyên liệu, vật liệu

Là giá trị tồn kho của nguyên vật liệu xây lắp như: Gang, thép... và nguyên vật liệu để sản xuất nước như: Clo, phèn, hóa chất...

8. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tại phụ lục số 01.

9. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phẩm mềm tính hóa đơn nước	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	519.777.977	60.000.000	579.777.977
2. Tăng trong năm	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	519.777.977	60.000.000	579.777.977
II. Giá trị hao mòn			
1. Giá trị hao mòn đầu năm	486.169.728	37.000.000	523.169.728
2. Tăng trong năm	14.341.000	12.000.000	26.341.000
- Khấu hao trong năm	14.341.000	12.000.000	26.341.000
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Giá trị hao mòn cuối năm	500.510.728	49.000.000	549.510.728
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	33.608.249	23.000.000	56.608.249
2. Tại ngày cuối năm	19.267.249	11.000.000	30.267.249

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí xây dựng cơ bản**

Chi tiết gồm:	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	590.909.091	31.883.163.360	29.802.615.949	2.671.456.502
Dự án nhà máy nước số 2	590.909.091	2.080.547.411	-	2.671.456.502
Dự án cải tạo công suất 25.000m3 lên 35.000m3	-	29.802.615.949	29.802.615.949	-
Cộng	590.909.091	31.883.163.360	29.802.615.949	2.671.456.502

Hiện dự án nhà máy nước số 2 đơn vị đang là chủ đầu tư đã dừng triển khai theo thông báo số 120-TB/TU của tỉnh ủy Bắc Giang ngày 25 tháng 11 năm 2016 để đầu tư vào dự án Nhà máy nước sạch DNP – Bắc Giang của công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hiện tại vấn đề giải quyết các chi phí đã phát sinh với số tiền là 2.671.456.502 đồng cho dự án xây dựng nhà máy nước số 2 vẫn chưa có phương án thống nhất.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.616.269.008	1.023.255.619
Cộng	1.616.269.008	1.023.255.619

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả người bán khác	926.312.000	-
Công ty CP Kiến trúc XD và đô thị Hà Nội	926.312.000	-
Cộng	926.312.000	-

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết gồm:	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu
Thuế GTGT đầu ra	-	-	414.783.097	786.410.111	-	371.627.014
Thuế TNDN	-	180.102.447	952.218.796	930.102.447	202.218.796	-
Thuế TNCN	-	12.828.835	56.776.600	24.275.495	45.329.940	-
Thuế tài nguyên	-	21.472.043	287.219.005	284.761.960	23.929.088	-
Phí nước thải SH	-	248.677.032	3.265.238.421	3.183.761.609	330.153.844	-
Phí môi trường rừng	-	96.121.200	417.751.760	513.872.960	-	-
Thuế khác	-	-	16.956.074	16.956.074	-	-
Cộng	-	559.201.557	5.410.943.752	5.740.140.656	601.631.668	371.627.014

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động xây lắp là 10%, thuế GTGT của hoạt động cung cấp nước sạch là 5%. Thuế GTGT cung cấp dịch vụ cho khu chế xuất là 0%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Bảng ước tính thuế TNDN trong năm được dự tính như bảng sau:

	01/01/2016 - 31/12/2016	01/07/2015 - 31/12/2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.756.431.743	1.741.025.448
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.662.236	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	4.761.093.979	1.741.025.448
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	4.761.093.979	1.741.025.448
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	952.218.796	383.025.599
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	-	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	952.218.796	383.025.599
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	952.218.796	383.025.599

Thuế tài nguyên

Thuế tài nguyên được tính trên khối lượng nước thô đơn vị khai thác trong năm. Đơn giá tính thuế tài nguyên là 2.250 đồng/m³.

Thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương phải trả	6.589.284.000	-
Cộng	6.589.284.000	-

15. Chi phí phải trả

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí khấu hao TSCĐ (*)	3.944.207.500	-
Chi phí phải trả khác	246.689.300	6.262.026.000
Cộng	4.190.896.800	6.262.026.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Theo quyết định số 262/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang ngày 11 tháng 02 năm 2015 về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành hệ thống cấp nước Đồi Ngô, huyện Lục Nam với giá trị quyết toán là 39.442.075.000 đồng. Theo thông báo số 230/UBND-XD của UBND tỉnh Bắc Giang ngày 25 tháng 01 năm 2014, UBND tỉnh đồng ý cho UBND huyện Lục Nam bàn giao cho công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bắc Giang nay là công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang quản lý, vận hành dự án trên. Tuy nhiên, hiện nay đơn vị vẫn chưa nhận được biên bản bàn giao của UBND huyện Lục Nam cho đơn vị về dự án trên vì vậy hiện tại đơn vị đang tạm trích khấu hao phải trả (10%) cho dự án này để có nguồn vốn phải trả khi nhận được Bàn giao từ đơn vị chủ quản trong năm trên TK 335 theo giá trị quyết toán của UBND tỉnh Bắc Giang.

16. Phải trả phải nộp ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn bên liên quan	-	-
Phải trả ngắn hạn đối tượng khác	1.881.034.609	635.153.474
Phạm Hữu Hồng	433.338.212	24.146.216
Nguyễn Ngọc Tuấn	462.876.070	462.876.070
Đối tượng khác	984.820.327	148.131.188
Tổng cộng	1.881.034.609	635.153.474

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết gồm:	01/01/2016 - 31/12/2016	01/07/2015 - 31/12/2015
Số đầu năm	158.615.844	1.279.404.844
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.548.663.839	-
Tăng khác	-	-
Chi quỹ	(275.469.500)	(1.120.789.000)
Giảm khác	-	-
Số cuối năm	1.431.810.183	158.615.844

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) *	4.214.505.246	-
Cộng	4.214.505.246	-

(*): Là khoản vay giữa công ty CP Nước sạch Bắc Giang và Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) trong đó ký một hợp đồng vay phụ giữa Bộ tài chính và công ty CP Nước sạch Bắc Giang về việc sử dụng khoản vay số 3251 -VIE của ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) theo hợp đồng ngày 17/06/2016. Theo đó BTC đồng ý cho công ty CP Nước sạch Bắc Giang vay lại số tiền mười chín triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn đô la Mỹ (19,884,000.00USD) trong đó đã giải ngân số tiền là 182,673.05 USD với mục đích xây dựng nhà máy nước số 2 tỉnh Bắc Giang.

Thời hạn vay tối đa là 25 năm. Lãi suất cho vay lại bằng lãi suất Libor đối với thời hạn 6 tháng cộng với mức chênh lệch là 0,5%/năm và phí liên hạn là 0,1%/năm trên số dư nợ gốc tại từng thời điểm.

Phí cam kết bằng 0,15%/năm tính trên số tiền của khoản vay lại chưa giải ngân tùy theo từng thời kỳ.

Căn cứ vào HĐ vay giữa BTC và Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) thì phí cho vay lại trong nước là 0,25%/năm trên số dư nợ gốc tại từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay lại hoặc tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật theo hợp đồng vay phụ này.

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 số tiền nhận vay và phí là 4.214.505.246 đồng (tương đương 184,927.83 USD).

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiết tại phụ lục số 02.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

(*) Nguồn vốn chủ sở hữu

Chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	85,86%	155.831.460.205	155.831.460.205
Hướng Xuân Công	0,29%	521.000.000	521.000.000
Trần Đăng Điều	0,21%	389.000.000	389.000.000
Phạm Hùng	0,21%	386.000.000	386.000.000
Đối tượng khác	13,43%	24.367.000.000	24.367.000.000
Cộng	100%	181.494.460.205	181.494.460.205

19c. Cổ phiếu

Chi tiết gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.400.800	24.400.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu thường	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu thường	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

Chi tiết gồm:	01/01/2016 – 31/12/2016	01/07/2015 – 31/12/2015
Doanh thu từ bán nước sạch thành phố Bắc Giang	82.407.395.028	37.800.546.275
Doanh thu nước sạch xí nghiệp cấp nước Lục Nam	1.561.336.237	632.924.993
Doanh thu xây lắp	4.327.037.737	1.727.742.007
Doanh thu bán nước uống tinh khiết		105.798.727
Cộng	88.295.769.002	40.267.012.002

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh nghiệp vụ bán hàng với các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	01/01/2016 –	01/07/2015 -
Chi tiết gồm:	31/12/2016	31/12/2015
Giảm giá hàng bán	3.858.448	1.855.244
Cộng	3.858.448	1.855.244
3. Giá vốn hàng bán	01/01/2016 –	01/07/2015 -
Chi tiết gồm:	31/12/2016	31/12/2015
Giá vốn bán nước sạch thành phố Bắc Giang	42.918.771.461	24.157.914.790
Giá vốn bán nước xí nghiệp cấp nước Lục Nam	2.726.356.913	732.366.043
Giá vốn xây lắp	4.770.638.322	1.219.200.607
Giá vốn nước lọc	-	105.798.727
Cộng	50.415.766.696	26.215.280.167
4. Doanh thu hoạt động tài chính	01/01/2016 –	01/07/2015 -
Chi tiết gồm:	31/12/2016	31/12/2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.102.005.835	1.157.182.374
Cộng	4.102.005.835	1.157.182.374
5. Chi phí tài chính	01/01/2016 –	01/07/2015 -
Chi tiết gồm:	31/12/2016	31/12/2015
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	82.186.718	-
Cộng	82.186.718	-
6. Chi phí bán hàng	01/01/2016 –	01/07/2015 -
Chi tiết gồm:	31/12/2016	31/12/2015
Chi phí nhân viên	15.840.521.453	6.509.074.100
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	79.566.800	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.518.882.287	535.456.046
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.770.000	834.215.345
Chi phí bằng tiền khác	237.626.480	26.181.582
Cộng	24.781.367.020	7.904.927.073
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	01/01/2016 –	01/07/2015 -
Chi tiết gồm:	31/12/2016	31/12/2015
Chi phí nhân viên	7.844.957.155	4.099.674.299
Chi phí đồ dùng văn phòng	85.319.191	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	746.186.105	155.446.296
Thuế, phí, lệ phí	717.264.603	332.177.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.729.627.523	724.941.195
Chi phí bằng tiền khác	1.659.220.034	557.805.851
Cộng	12.782.574.611	5.870.045.543

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Thu nhập khác**

Chi tiết gồm:	01/01/2016 – 31/12/2016	01/07/2015 – 31/12/2015
Thu thanh lý nhượng bán TSCĐ	139.545.454	-
Thu 7% (phí TN được giữ lại)	245.770.634	118.838.583
Thu nhập khác	43.756.547	196.791.425
Cộng	429.072.635	315.630.008

9. Chi phí khác

Chi tiết gồm	01/01/2016 – 31/12/2016	01/07/2015 – 31/12/2015
Chi phí khác	4.662.236	6.690.909
Cộng	4.662.236	6.690.909

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chỉ tiêu	01/01/2016 – 31/12/2016	01/07/2015 – 31/12/2015
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.804.212.947	1.357.999.850
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.141.263.884)	(407.399.955)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	2.662.949.063	950.599.895
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	18.149.446	18.149.446
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	147	52

(*) Công ty chưa đại hội cổ đông, Lãi cơ bản trên cổ phiếu tạm tính theo tỷ lệ năm 2015. Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể sẽ được điều chỉnh lại khi có quyết định của đại hội cổ đông về phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định trong điều lệ hoạt động của công ty.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	01/01/2016 – 31/12/2016	01/07/2015 – 31/12/2015
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.149.446	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	18.149.446
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 01 tháng 07 năm 2015	-	18.149.446
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.149.446	18.149.446

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	01/01/2016 - 31/12/2016	01/07/2015 - 31/12/2015
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.662.949.063	950.599.895
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
Cộng	2.662.949.063	950.599.895
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.662.949.063	950.599.895
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.149.446	18.149.446
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	147	52

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	01/01/2016 - 31/12/2016	01/07/2015 - 31/12/2015
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	18.149.446	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:		
- Cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện	-	18.149.446
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.149.446	18.149.446

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)**1. Tiền thu từ đi vay**

Chi tiết gồm:	01/01/2016 – 31/12/2016	01/07/2015 - 31/12/2015
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	4.214.505.246	-
Cộng	4.214.505.246	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Thành viên quản lý chủ chốt.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm có giao dịch về tiền lương, thưởng, phụ cấp và cổ tức trong năm cho các thành viên quản lý chủ chốt được chi tiết tại bảng sau:

Chi tiết gồm:	01/01/2016 - 31/12/2016	01/07/2015 - 31/12/2015
Lương	909.932.000	376.692.170
Thưởng, phụ cấp	68.712.000	40.660.000
Cổ tức	6.304.000	-
Cộng	984.948.000	417.352.170

2. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Trong năm, hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán nước sạch và lắp đồng hồ nước.


Khu vực địa lý.


Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn tỉnh Bắc Giang.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bắc Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2017


NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO
Người lập biểu


NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO
Kế toán trưởng


HƯƠNG XUÂN CÔNG
Giám đốc



Phụ lục số 01: Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	33.848.555.698	38.109.062.938	101.721.042.789	40.238.000	173.718.899.425
2. Tăng trong năm	29.802.615.949	1.005.000.000	7.754.896.919	-	38.562.512.868
- Tăng do mua mới	-	1.005.000.000	7.754.896.919	-	8.759.896.919
- Tăng do XDCB hoàn thành	29.802.615.949	-	-	-	29.802.615.949
3. Giảm trong năm	-	146.666.667	533.533.333	-	680.200.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	146.666.667	533.533.333	-	680.200.000
4. Số dư cuối năm	63.651.171.647	38.967.396.271	108.942.406.375	40.238.000	211.601.212.293
II. Giá trị hao mòn					
1. Giá trị hao mòn đầu năm	20.608.498.425	20.787.434.165	59.823.082.913	40.238.000	101.259.253.503
2. Tăng trong năm	6.144.255.910	4.212.555.555	10.488.003.382	-	20.844.814.847
Khấu hao trong năm	6.144.255.910	4.212.555.555	10.488.003.382	-	20.844.814.847
3. Giảm trong năm	1.972.103.750	146.666.667	533.533.333	-	2.652.303.750
- Thanh lý, nhượng bán	-	146.666.667	533.533.333	-	680.200.000
- Khác	1.972.103.750	-	-	-	1.972.103.750
4. Giá trị hao mòn cuối năm	24.780.650.585	24.853.323.053	69.777.552.962	40.238.000	119.451.764.600
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	13.240.057.273	17.321.628.773	41.897.959.876	-	72.459.645.922
2. Tại ngày cuối năm	38.870.521.062	14.114.073.218	39.164.853.413	-	92.149.447.693

- Trong đó nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 4.030.047.688 đồng.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

Bắc Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2017



HƯỚNG XUÂN CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục số 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/07/2015	142.853.886.317	2.981.857.433	11.207.096.867	650.000.000	-	157.692.840.617
Tăng trong kỳ/ước	39.134.354.300	-	-	-	1.357.999.850	16.196.954.150
+ Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	1.357.999.850	1.357.999.850
+ Tăng do đánh giá lại	11.207.096.867	-	-	-	-	11.207.096.867
+ Tăng do chuyển quỹ	2.981.857.433	-	-	-	-	2.981.857.433
+ Tăng khác	650.000.000	-	-	-	-	650.000.000
+ Tăng do mua cổ phần	24.295.400.000	-	-	-	-	24.295.400.000
Giảm trong kỳ trước	(493.780.412)	(2.981.857.433)	(11.207.096.867)	(650.000.000)	-	(15.332.734.712)
Giảm khác (*)	(493.780.412)	(2.981.857.433)	(11.207.096.867)	(650.000.000)	-	(15.332.734.712)
Số dư tại ngày 31/12/2015	181.494.460.205	-	-	-	1.357.999.850	182.852.460.055
Số dư tại ngày 01/01/2016	181.494.460.205	-	-	-	1.357.999.850	182.852.460.055
Tăng trong năm nay	-	67.899.993	-	-	3.804.212.947	3.872.112.940
+ Lãi trong năm nay	-	-	-	-	3.804.212.947	3.804.212.947
+ Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	67.899.993	-	-	-	67.899.993
Giảm trong năm nay	(1.141.263.884)	-	-	-	(1.357.999.850)	(2.499.263.734)
+ Trả cổ tức năm nay	-	-	-	-	(882.699.902)	(882.699.902)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(67.899.993)	(67.899.993)
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.141.263.884)	-	-	-	(407.399.955)	(1.548.663.839)
Số dư tại ngày 31/12/2016	180.353.196.321	67.899.993	-	-	3.804.212.947	184.225.309.261

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thảo

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Công

NGUYỄN XUÂN CÔNG

Bắc Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Giám đốc

